

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày 28/04/2021

*“V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh  
toán tiền công theo hợp đồng”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông: Trần Thanh Hương.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà: Hoàng Thị Thu Lâm và ông: Phạm Văn Hùng.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà: Lê Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/TLST-DS ngày 16-11-2020 về việc: ***“Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền công theo hợp đồng”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐST-DS ngày 29/03/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐHPT-DS ngày 13-4-2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Kiến S – sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn K, xã T, Thành Phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi(*Có mặt*).
- Bị đơn: Công ty T; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường K, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T – Chức vụ Giám đốc Công ty T(*Vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2*).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn trình bày: Ngày 26 tháng 3 năm 2018 Công ty T (gọi tắt công ty T) do ông Nguyễn Hữu T làm đại diện có ký kết hợp đồng với ông Bùi Kiến S để tháo, cắt, gỡ xác tàu VTB26 bị đắm tại vùng biển Cửa Lò, Nghệ An. Sau khi hai bên thống nhất ký hợp đồng, ông Bùi Kiến S cùng một số anh em công nhân tiến hành thực hiện để tháo, cắt, gỡ xác tàu VTB26. Thời gian thực hiện một thời gian dài, đến ngày 10-12-2018 ông Nguyễn Hữu T đại diện cho công ty T và ông Bùi Kiến S đã bàn bạc thống nhất thanh lý hợp đồng, hai bên tính toán và chốt số liệu như sau:

Số tiền công mà Công ty T phải thanh toán cho ông Bùi Kiến S là 1.120.000.000 đồng (*Một tỷ, một trăm hai mươi triệu đồng*). Số tiền ông Bùi Kiến S đã ứng trước từ công ty T là 735.600.000 đồng (*Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng*). Số tiền Công ty T còn nợ ông Bùi Kiến S là 385.400.000 đồng (*Ba trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm ngàn đồng*), do thời gian làm dài nên hai bên thống nhất giảm cho công ty T 125.400.000 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm ngàn đồng*), như vậy đến ngày thanh lý hợp đồng Công ty T còn nợ ông Bùi Kiến S số tiền 260.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*) và thống nhất sau 30 ngày kể từ ngày thanh lý hợp đồng Công ty T phải thanh toán cho ông Bùi Kiến S số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu*) và trả dứt điểm số tiền còn lại vào tháng 3/2019 âm lịch. Trong thời gian đó Công ty T đã thanh toán cho ông Bùi Kiến S 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), nay còn nợ 210.000.000đ(*Hai trăm mười triệu đồng*), ông Bùi Kiến S đã nhiều lần yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền còn nợ nhưng Công ty T cố tình trốn tránh trách nhiệm, nhằm chiếm đoạt số tiền. Về tiền lãi ông Tài không yêu cầu.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, ông Nguyễn Hữu T là người đại diện theo pháp luật cho Công ty T trình bày: Ông thừa nhận giữa Công ty T và ông Bùi Kiến S ký kết hợp đồng để tháo, cắt, gỡ xác tàu VTB26 bị đắm tại vùng biển Cửa Lò, Nghệ An. Đến ngày 10-12-2018 giữa 2 bên đã thanh lý hợp đồng và chốt số liệu: Tổng số tiền phải thanh toán theo hợp đồng 1.120.000.000 đồng, đã ứng trước từ Công ty T là 735.600.000 đồng (*Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng*). Số tiền mà Công ty T còn nợ ông Bùi Kiến S là 385.400.000 đồng (*Ba trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm ngàn đồng*) nhưng do thời gian thi công kéo dài dẫn đến thua lỗ, nên ông Tài đồng ý lấy số tiền còn lại là 260.000 đồng, và đồng ý cho

Công ty T và thống nhất sau 30 ngày kể từ ngày thanh lý hợp đồng Công ty T phải thanh toán cho ông Bùi Kiến S số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu*) và trả dứt điểm số tiền còn lại vào tháng 3/2019 âm lịch.

Thời gian sau đó Công ty T đã thanh toán cho ông Bùi Kiến S tổng 50.000.000 đồng (một lần 20.000.000 đồng vào ngày 04-6-2019 và 01 lần 30.000.000 đồng không ghi giấy tờ). Theo ông T vì thực tế Cảng vụ hàng hải Nghệ An phê duyệt thời gian thi công là 30 ngày, mà do tổ lặn của ông Bùi Kiến S không đủ nhân lực, nên Công ty T phải thuê thêm tổ lặn thứ 2 là ông Bùi Tiến Tuấn để lặn hút bùn, cát và cắt tháo, gỡ làm nổi mũi tàu để kịp tiến độ thi công. Vì vậy Công ty T phải chi thêm một khoản tiền ngoài hợp đồng với ông Bùi Kiến S. Vì vậy ông Nguyễn Hữu T không đồng ý với yêu cầu của ông Bùi Kiến S.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải lần 1 vào ngày 15-01-2021 nhưng ông Nguyễn Hữu T đã có đơn xin vắng mặt, lần 2 vào ngày 10-3-2021 nhưng ông Nguyễn Hữu T không hợp tác nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến.

- *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48, Điều 49 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 BLTTDS. Đối với người đại diện theo pháp luật của bị đơn, không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- *Về nội dung*: Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147, Bộ luật tố tụng Dân sự, các điều 513, các điều 514, 515, 516, 517, 518, 519, khoản 5 điều 658 bộ luật Dân sự; xử vắng mặt bị đơn công ty T do ông Nguyễn Hữu T làm giám đốc; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Bùi Kiến S về việc yêu cầu công ty T thanh toán tiền công cho ông theo hợp đồng với số tiền 210.000.000đ(*Hai trăm mười triệu đồng*). Về tiền lãi ông Tài không yêu cầu nên không xem xét; về án phí: buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết đầy đủ văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ 2. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện về việc *Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền công theo hợp đồng*. Xác định là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là Hợp đồng dịch vụ thanh toán tiền công, khi tham gia ký kết hợp đồng các chủ thể có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, đủ điều kiện về chủ thể theo quy định Bộ Luật Dân sự hiện hành. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, một trong các bên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau. Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc cùng thực hiện công việc nhất định công việc đã hoàn thành hai bên đã thống nhất lập thành lý hợp đồng.

[3]. Về nội dung:

3.1. Xét yêu cầu khởi kiện Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền công theo hợp đồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

3.2. Xét tính hợp pháp của Hợp đồng cắt, tháo, gỡ xác tàu VTB26 bị đắm tại vùng biển Cửa Lò, tỉnh Nghệ An được ký kết giữa Công ty T và ông Bùi Kiến S vào ngày 26 tháng 3 năm 2018 tại Công ty T: Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và trong thời hạn luật định, việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là hợp pháp, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do hợp đồng này là hợp pháp, có hiệu lực, nên buộc các bên phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

3.3. Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Kiến S; ông có đưa ra Hợp đồng Cắt, tháo gỡ xác tàu VTB26 được ký kết vào ngày 26/03/2018 giữa ông và Công ty T mà người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hữu T làm giám đốc, nội dung Hợp đồng là Cắt, tháo, gỡ xác tàu VTB26 bị đắm tại vùng biển Cửa Lò, Nghệ An. Sau khi hai bên thống nhất ký hợp đồng, ông Bùi Kiến S cùng một số anh em công nhân tiến hành thực hiện để tháo, cắt, gỡ xác tàu VTB26. Thời gian thực hiện việc

tháo, cắt, gỡ xác tàu VTB26 đến tháng 8/2018 thì thực hiện xong. Ngày 10-12-2018 ông Nguyễn Hữu T đại diện cho công ty T và ông Bùi Kiến S đã ngồi lại với nhau bàn bạc thống nhất thanh lý hợp đồng, hai bên tính toán và chốt số liệu như sau:

Số tiền công mà Công ty T phải thanh toán cho ông Bùi Kiến S là 1.120.000.000 đồng (*Một tỷ, một trăm hai mươi triệu đồng*). Số tiền ông Bùi Kiến S đã ứng trước từ Công ty T là 735.600.000đ (*Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng*). Số tiền Công ty T còn nợ ông Bùi Kiến S là 385.400.000 đồng (*Ba trăm tám mươi lăm triệu, bốn trăm ngàn đồng*), do thời gian làm dài nên hai bên đi đến thống nhất là ông Bùi Kiến S sẽ giảm cho Công ty T số tiền 125.400.000 đồng, như vậy đến ngày thanh lý hợp đồng Công ty T còn nợ ông Bùi Kiến S số tiền 260.000.000đ (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*) và thống nhất sau 30 ngày kể từ ngày thanh lý hợp đồng Công ty T phải thanh toán cho ông Bùi Kiến S số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu*) và trả dứt điểm số tiền còn lại vào tháng 3/2019 âm lịch. Trong thời gian đó Công ty T đã thanh toán cho ông Bùi Kiến S 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), nay còn nợ 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*). Ông Nguyễn Hữu T là người đại diện theo pháp luật của Công ty T cũng thừa nhận đúng như lời khai của nguyên đơn. Như vậy chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Kiến S là có căn cứ theo qui định của Bộ luật Dân sự.

3.2. Xét ý kiến của bị đơn công ty T do ông Nguyễn Hữu T làm đại diện theo pháp luật ông thừa nhận quá trình ký hợp đồng, quá trình thi công, quá trình thanh lý hợp đồng và số tiền đã thanh toán đúng như lời khai của ông Bùi Kiến S. Theo ông T vì thực tế Cảng vụ hàng hải Nghệ An phê duyệt thời gian thi công là 30 ngày, mà do tổ lặn của ông Bùi Kiến S không đủ nhân lực, nên Công ty T phải thuê thêm tổ lặn thứ 2 là ông Bùi Tiến Tuấn để lặn hút bùn, cát và cắt tháo, gỡ làm nổi mũi tàu để kịp tiến độ thi công. Vì vậy Công ty T phải chi thêm một khoản tiền ngoài hợp đồng với ông Bùi Kiến S. Do đó ông Nguyễn Hữu T không đồng ý với yêu cầu của ông Bùi Kiến S. Tuy nhiên ông không đưa ra tài liệu hay căn cứ gì chứng minh cho ý kiến của mình về việc ông Bùi Kiến S có vi phạm hợp đồng, và trong Hợp đồng Cắt, tháo gỡ xác tàu VTB26 ngày 26/01/2018 không có mục nào qui định thời gian phải hoàn thành công việc và bên nào vi phạm thì phải chịu trách nhiệm thiệt hại do vi phạm hợp đồng gây ra. Tại giấy thanh toán và thanh lý hợp đồng do ông Nguyễn Hữu T viết và ký tên đóng dấu ngày 10/12/2018, ông cũng đã thừa nhận còn nợ ông Bùi Kiến S số tiền 260.000.000đ (*Hai trăm sáu mươi*

triệu đồng) và thông nhất sau 30 ngày kể từ ngày thanh lý hợp đồng Công ty T phải thanh toán cho ông Bùi Kiến S số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu*) và trả dứt điểm số tiền còn lại vào tháng 3/2019 âm lịch và ông T cũng không đề cập đến việc ông Tài vi phạm hợp đồng và phải chịu tiền phạt là bao nhiêu. Do đó những yêu cầu của ông là không có căn cứ, Hội đồng xét xử cần bác yêu cầu của Công ty T mà người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hữu T.

Từ những tài liệu, chứng cứ nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông Bùi Kiến S có ký nhận hợp đồng “Cắt tháo gỡ xác tàu VTB 26” với Công ty T là đúng thực tế. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2020 ông T là giám đốc người đại diện theo pháp luật Công ty T cũng đã thừa nhận. Và yêu cầu của ông Bùi Kiến S buộc Công ty T mà người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hữu T phải trả cho ông số tiền còn nợ 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*) là có căn cứ. Từ những lập luận và phân tích, Hội đồng xét xử căn cứ điều 513, điều 514, điều 515, điều 516, điều 517, điều 518, điều 519, khoản 5 điều 658, Bộ luật Dân sự. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Kiến S và đề nghị của đại diện viện kiểm sát; buộc Công ty T, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hữu T phải trả nợ cho ông Bùi Kiến S với số tiền 210.000.000đ (*Hai trăm mười triệu đồng*). Về phần lãi ông Bùi Kiến S không yêu cầu nên không xem xét.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[4] Về án phí: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn là Công ty T phải nộp tiền án phí DSST có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho ông Bùi Kiến S.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 147, Bộ luật tố tụng Dân sự. Các Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 516, Điều 517, Điều 518, Điều 519, Khoản 5 Điều 658, Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điểm b Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Kiến S về việc: *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền công theo hợp đồng"*. Buộc bị đơn Công ty T, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hữu T phải trả nợ cho ông Bùi Kiến S với số tiền 210.000.000đ(*Hai trăm mười triệu đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn Công ty T, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hữu T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định điều 357, tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Về án phí: Xử buộc Công ty T, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hữu T phải nộp số tiền 10.500.000đ(*Mười triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*) án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho ông Bùi Kiến S số tiền tạm ứng án phí 5.250.000đ(*Năm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh theo biên lai thu số AA/2016/0007114 ngày 12/11/2020.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người đại diện theo pháp luật vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

